TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2025/DS - ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2025
"V/v Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Thúy

***Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Quách Đình Hoằng

2. Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Thủy Sơn Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa*:* Bà Lê Thị Thảo Nhi - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 4 năm 2025 và ngày 15 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 312/2024/TLST - DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST - DS ngày 24 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST - DS ngày 17 tháng 3 năm 2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 11/2025/QĐST - DS ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 625 đường TC, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Bà T có mặt.

2. *Bị đơn*: Bà Hồ Thị Ngọc H, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 338 đường TC, tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 338 đường TC, tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số 625 đường TC, thành phố P, tỉnh Gia Lai. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16 tháng 7 năm 2024, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 30 tháng 7 năm 2024; các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS - ST ngày 08 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố P và Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 187/QĐ - CCTHADS ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P: Người phải thi hành án bà Hồ Thị Ngọc H; các khoản phải thi hành: Buộc bà Hồ Thị Ngọc H phải trả cho bà Trần Thị T số tiền là 259.660.000 đồng (hai trăm năm mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng; người được thi hành án bà Trần Thị T.

Qua xác minh, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P gửi Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số 369/TB - CCTHADS ngày 05 tháng 7 năm 2024 xác định: bà Hồ Thị Ngọc H cùng chồng là ông Nguyễn Văn Đ là chủ sử dụng đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390 và thửa đất số 61, tờ bản đồ số 43, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 365326.

Do bà Hồ Thị Ngọc H vẫn chưa thi hành án cho bà và ông Nguyễn Văn T nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết xác định phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với các tài sản sau đây:

- Đất, tài sản gắn liền với đất tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 43, diện tích 96,7m^2 đất ở; trên đất có nhà ở cấp IV, diện tích xây dựng là 60,14m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 365326 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 15 tháng 12 năm 2010, chỉnh lý biến động chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H ngày 11 tháng 01 năm 2011.

- Đất, tài sản gắn liền với đất tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 43, diện tích 73,7m^2 đất ở; trên đất có nhà ở cấp IV, diện tích xây dựng là 55,88m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H.

2. ***Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn T***:

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Văn T vắng mặt nhưng theo các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, Đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ngày 24 tháng 02 năm 2025, ông thống nhất theo nội dung trình bày, ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T.

3. Đối với bị đơn bà Hồ Thị Ngọc H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ:

Bà Hồ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án nhân dân thành phố P triệu tập hợp lệ nhiều lần để ông bà trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T nhưng ông bà không đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo luật định để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4. Theo nội dung Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản cùng ngày 11 tháng 12 năm 2024:

4.1 Hiện trạng thửa đất số 63, tờ bản đồ số 43 tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390, có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất số 65, có chiều dài 20,30m; Phía Tây giáp thửa đất số 61, có chiều dài 20,31m; Phía Nam giáp đường bê tông, có chiều dài 4,92m; Phía Bắc giáp thửa đất số 66, có chiều dài 4,92m; tổng diện tích đất: 99,9m^2. Qua khảo sát giá chuyển nhượng đất trên thị trường ở địa phương tại thời điểm định giá, Hội đồng định giá thống nhất, thửa đất có giá 300.000.000 đồng/m ngang x 4,92m = 1.476.000.000 đồng.

Tài sản trên đất:

- 01 nhà ở riêng lẻ 01 tầng có kết cấu: móng xây đá, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích 84,9m^2; giá trị sử dụng còn lại là 45%; có giá 2.713.000 đồng/m^2; thành tiền 103.650.165 đồng.

- mái che khung thép hình, cột thép đường kính đến Ø50mm, mái lợp tôn, diện tích 15m^2, có giá 500.000 đồng/m^2; thành tiền 7.500.000 đồng.

- sân bê tông đá 4x6 vữa xi măng dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm, diện tích 15m^2, có giá 173.000 đồng/m^2; thành tiền 2.595.000 đồng.

Tổng trị giá là 1.589.745.165 (một tỷ năm trăm tám mươi chín triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn một trăm sáu mươi lăm) đồng

4.2 Hiện trạng thửa đất số 61, tờ bản đồ số 43 tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai và toàn bộ tài sản trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 365236, có tứ cận: Phía Đông giáp thửa đất số 63, có chiều dài 20,31m; Phía Tây giáp thửa đất số 59, có chiều dài 20,32m; Phía Nam giáp đường bê tông, có chiều dài 5,08m; Phía Bắc giáp thửa đất số 64, có chiều dài 5,07m; tổng diện tích đất: 103m^2. Qua khảo sát giá chuyển nhượng đất trên thị trường ở địa phương tại thời điểm định giá, Hội đồng định giá thống nhất, thửa đất có giá 300.000.000 đồng/m ngang x 5,08m = 1.524.000.000 đồng.

Tài sản trên đất:

- 01 nhà ở riêng lẻ 01 tầng có kết cấu: móng xây đá, tường xây gạch, nền lát gạch ceramic, tường trát vữa sơn nước, không có sê nô mặt trước, mái lợp tôn; diện tích 73,4m^2; giá trị sử dụng còn lại là 45%; có giá 2.713.000 đồng/m^2; thành tiền 89.610.390 đồng.

- mái che khung thép hình, cột thép đường kính đến Ø50mm, mái lợp tôn, diện tích 29,6m^2, có giá 500.000 đồng/m^2; thành tiền 14.800.000 đồng.

- sân bê tông đá 4x6 vữa xi măng dày 10cm, mặt láng vữa xi măng dày 3cm, diện tích 29,6m^2, có giá 173.000 đồng/m^2; thành tiền 5.120.800 đồng.

Tổng trị giá là 1.633.531.190 (một tỷ sáu trăm ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi mốt nghìn một trăm chín mươi) đồng.

5. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P có ý kiến về tố tụng và đề xuất quan điểm giải quyết như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như trình tự phiên tòa, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn tạm ngừng phiên tòa. Các nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với bị đơn bà Hồ Thị Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, việc chấp hành theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự chưa bảo đảm.

Đề nghị xác định lại quan hệ tranh chấp để phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể: "*Yêu cầu xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của người thi hành án trong khối tài sản chung*"

Theo nội dung Công văn số 360/CV - CCTHADS ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P không cần thiết tiến hành thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, đưa những người được thi hành án khác là bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thúy V tham gia tố tụng trong vụ án này

Xác định lại tư cách tố tụng của ông Nguyễn Văn T từ nguyên đơn thành người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Trần Thị T về việc xác định phần quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở trong khối tài sản chung vợ chồng của bà Hồ Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn Đ

- Giao bà Hồ Thị Ngọc H, ông Nguyễn Văn Đ, mỗi người được toàn quyền sử dụng, sở hữu riêng biệt đối với một trong các tài sản sau đây:

+ đất và tài sản gắn liền với đất được công nhận quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H

+ đất và tài sản gắn liền với đất được công nhận quyền sử dụng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 365326 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 15 tháng 12 năm 2010, chỉnh lý biến động chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H ngày 11 tháng 01 năm 2011.

- Ông Nguyễn Văn Đ hoặc bà Hồ Thị Ngọc H có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chênh lệch cho người kia tương ứng trị giá tài sản được giao.

- Bà Hồ Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng về xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị T là người được thi hành án, bà Hồ Thị Ngọc H là người phải thi hành án theo Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 187/QĐ - CCTHADS ngày 14 tháng 10 năm 2021; căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự năm 2022, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của bà Hưng trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn Đ.

Đối tượng tranh chấp là tài sản của người phải thi hành án chưa xác định được phần quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất để thi hành án nên đây là Tranh chấp liên quan đến tài sản bị cưỡng chế để thi hành án; vị trí tài sản trên địa bàn thành phố P nên thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

Do người được thi hành án chỉ có bà Trần Thị T nên ông Nguyễn Văn T được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ông T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn Hồ Thị Ngọc H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà H, ông Đ vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Các tài sản bị yêu cầu xác định phần quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 365326 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 15 tháng 12 năm 2010, chỉnh lý biến động chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H ngày 11 tháng 01 năm 2011; đến tại thời điểm Quyết định Thi hành án theo yêu cầu số 187/QĐ - CCTHADS ngày 14 tháng 10 năm 2021 có hiệu lực, các tài sản này đang thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H.

Theo văn bản của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, bà Hồ Thị Ngọc H hiện đang còn nghĩa vụ thi hành án phải thực hiện cho bà Trần Thị T, bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Thúy V nên yêu cầu xác định được phần quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất trong khối tài sản chung vợ chồng với ông Nguyễn Văn Đ của bà Trần Thị T là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Theo kết quả đo đạc và định giá tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và biên bản định giá tài sản cùng ngày 11 tháng 12 năm 2024, diện tích các thửa đất số 61 và 63 đều lớn hơn diện tích được công nhận quyền sử dụng đất theo các Giấy chứng nhận tuy nhiên ranh giới mỗi thửa đất rõ ràng, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ lân cận, vị trí và trị giá các thửa đất không chênh lệch lớn. Như vậy, các thửa đất số 61 và 63 đủ điều kiện để phân chia bằng hiện vật theo hướng giao cho bà Hồ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Đ mỗi người được toàn quyền sử dụng, sở hữu đối với một bất động sản.

Theo đó, giao bà Hồ Thị Ngọc H toàn quyền sử dụng, sở hữu đối với đất tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 43, diện tích 73,7m^2 đất ở; trên đất có nhà ở cấp IV, diện tích xây dựng là 55,88m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H; bà Hưng có nghĩa vụ thực hiện thủ tục theo quy định để đăng ký biến động theo hiện trạng tài sản.

Giao ông Nguyễn Văn Đ toàn quyền sử dụng, sở hữu đối với đất tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 43, diện tích 96,7m^2 đất ở; trên đất có nhà ở cấp IV, diện tích xây dựng là 60,14m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 365326 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 15 tháng 12 năm 2010, chỉnh lý biến động chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H ngày 11 tháng 01 năm 2011, ông Đ có nghĩa vụ thực hiện thủ tục theo quy định để đăng ký biến động theo hiện trạng tài sản.

Ông Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà H chênh lệch giá trị tài sản là 21.893.013 (hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi ba nghìn không trăm mười ba) đồng.

[4] Về án phí: Do bà Hồ Thị Ngọc H không thỏa thuận để thực hiện nghĩa vụ thi hành án buộc bà Trần Thị T khởi kiện yêu cầu phân định quyền sở hữu nên bà H phải chịu án phí không có giá ngạch.

[5] Về Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.819.667 (mười triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng, do yêu cầu của bà Trần Thị T được chấp nhận nên bà Hồ Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ chi phí này. Bà T đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, do đó cần buộc bà H trả cho bà T chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.819.667 (mười triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 213, 220 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 33, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 131, 133 Luật Đất đai năm 2024;

- Căn cứ Điều 4; khoản 2, khoản 12 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 97, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 146, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T về việc yêu cầu xác định phần quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất của bà Hồ Thị Ngọc H trong khối tài sản chung với ông Nguyễn Văn Đ.

- Giao bà Hồ Thị Ngọc H toàn quyền sử dụng, sở hữu đối với đất tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 63, tờ bản đồ số 43, diện tích 73,7m^2 đất ở; trên đất có nhà ở cấp IV, diện tích xây dựng là 55,88m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 648390 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 19 tháng 5 năm 2006 cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H.

- Giao ông Nguyễn Văn Đ toàn quyền sử dụng, sở hữu đối với đất tại tổ 02, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai, thửa đất số 61, tờ bản đồ số 43, diện tích 96,7m^2 đất ở; trên đất có nhà ở cấp IV, diện tích xây dựng là 60,14m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 365326 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 15 tháng 12 năm 2010, chỉnh lý biến động chủ sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn Đ và bà Hồ Thị Ngọc H ngày 11 tháng 01 năm 2011.

- Ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị Ngọc H chênh lệch giá trị tài sản là 21.893.013 (hai mươi mốt triệu tám trăm chín mươi ba nghìn không trăm mười ba) đồng.

- Bà Hồ Thị Ngọc H và ông Nguyễn Văn Đ có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền, thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để đăng ký biến động liên quan đến tài sản được nhận.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Ngọc H phải chịu tiền án phí dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng sung công quỹ nhà nước.

Bà Trần Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000459 ngày 26 tháng 9 năm 2024 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố P.

3. Về Chi phí tố tụng: Buộc bà Hồ Thị Ngọc H trả cho bà Trần Thị T chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 10.819.667 (mười triệu tám trăm mười chín nghìn sáu trăm sáu mươi bảy) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy dịnh tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố P;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai;
- Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Thị Thanh Thúy